

## Unit 9

## DESERTS

### TRỌNG TÂM

#### 1. Kỹ năng ngôn ngữ

##### • **Đọc:**

- Tìm nghĩa tiếng Việt tương đương với các từ tiếng Anh đã cho dựa vào văn cảnh.
- Đọc và chọn đáp án đúng/sai về những nhận định đã cho.
- Đọc và trả lời những câu hỏi về nội dung bài đọc.
- Đọc hiểu được yếu tố gây cười trong một truyện cười.

##### • **Nói:**

- Giải thích bằng khẩu ngữ tại sao những con vật này lại sống ở sa mạc trong khi những con vật kia lại không.
- Thực hành nói về những đặc điểm tự nhiên của sa mạc.
- Giải thích bằng khẩu ngữ tại sao mình lại mang những đồ vật này mà không mang những đồ vật kia khi đi qua sa mạc.

##### • **Nghe:**

- Nghe và lựa chọn thông tin đúng/sai.
- Nghe trả lời những câu hỏi về nội dung bài nghe.
- Nghe và điền những thông tin thiếu đã cho.

##### • **Viết:**

- Mô tả sa mạc Sahara dựa vào những thông tin đã cho.

#### 2. Trọng tâm ngôn ngữ

• **Phát âm:** Đọc đúng hình thức đầy đủ (full form) và hình thức viết gọn (contracted form) của các trợ động từ trong ngữ đoạn và trong phát ngôn.

• **Ngữ pháp và từ vựng:** Sử dụng đúng các liên từ *so*, *but*, *however*, và *therefore* trong các câu phức.

### ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Máy và băng cát xét.
- Tranh ảnh trong sách giáo khoa và các giáo cụ trực quan khác (nếu có).

## A. READING

### Before you read

- Yêu cầu HS quan sát các bức tranh về sa mạc. Có thể hỏi các em thêm một số câu hỏi khác liên quan đến sa mạc.
- Hỏi HS những câu hỏi đã cho trong SGK. Có thể đưa ra một số từ ngữ để gợi ý giúp các em câu trả lời các câu hỏi: *dry, few trees, little or no water, little rainfall, few people and animals live in a desert, v.v.*
- Hướng HS vào chủ đề của bài đọc: **Deserts**.

### While you read

- Nêu yêu cầu rõ ràng để HS hiểu được những nhiệm vụ mình sắp thực hiện.
- Theo cá nhân, yêu cầu HS đọc (thẩm) đoạn văn và thực hiện những nhiệm vụ trong và sau khi đọc đoạn văn.

### Task 1. (Trang 98)

- Theo cá nhân hoặc theo cặp, yêu cầu HS dựa vào văn cảnh của bài đọc tìm những từ ngữ tiếng Việt tương đương với những từ ngữ tiếng Anh đã cho. Lưu ý: đây là bài đọc có nhiều từ ngữ và tên địa danh mới lạ. Vì vậy GV phải cung cấp những từ ngữ này một cách chu đáo và yêu cầu HS phải đọc cẩn thận trước khi thực hiện những nhiệm vụ được giao.

### ĐÁP ÁN

- |   |                                      |
|---|--------------------------------------|
| 1. <i>stretch</i>                                 | <i>kéo dài, căng ra</i>              |
| 2. <i>sandy</i>                                   | <i>có cát</i>                        |
| 3. <i>aerial survey</i>                           | <i>trắc lượng trên không</i>         |
| 4. <i>Royal Geographical Society of Australia</i> | <i>Hội Địa lí Hoàng gia Ôxtrâyli</i> |
| 5. <i>Australian Aborigine</i>                    | <i>thổ dân Ôxtrâyli</i>              |
| 6. <i>dune</i>                                    | <i>đụn cát</i>                       |
| 7. <i>sloping</i>                                 | <i>dốc thoải thoải</i>               |
| 8. <i>steep</i>                                   | <i>dốc đứng, dốc ngược</i>           |



## After you read

- Theo cặp, yêu cầu HS đọc truyện cười và trả lời hai câu hỏi đã cho. Lưu ý HS trong tiếng Anh **desert** vừa là động từ, vừa là danh từ. Khi là động từ, trọng âm của từ rơi vào âm tiết thứ hai (di'zə:t) và có nghĩa là **từ bỏ**; khi là danh từ, trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất ('dezə:t) và có nghĩa là **sa mạc**. Trong tiếng Anh còn một từ viết hơi khác **desert**, đó là từ **dessert**. Từ này đọc giống **desert** (động từ) (di'zə:t) và có nghĩa là **món ăn tráng miệng** hay **món ăn cuối bữa**. Yếu tố gây cười trong câu truyện nằm ở sự phát âm sai của người phiên dịch. Người phiên dịch đã phát âm nhầm và do đó đã biến **dessert** (món ăn cuối bữa) thành **desert** (sa mạc), và câu hỏi của người phiên dịch có nghĩa là "Ông/Ngài cần gì cho sa mạc của mình? Chính vì vậy mà vị khách người Mỹ, một người khá hài hước và dí dỏm, đã trả lời "Trees and water" (Cây và nước).
- Có thể yêu cầu HS kể lại câu chuyện nếu còn thời gian.

## B. SPEAKING

### Task 1. (Trang 99)

- Trình bày yêu cầu rõ ràng để HS hiểu được nhiệm vụ mình sắp thực hiện. Đảm bảo rằng các em biết được nghĩa của tất cả những từ trong danh mục.
- Theo cặp, yêu cầu HS xem kĩ danh mục về cỏ cây và động vật, thảo luận với nhau để lựa chọn ra những cỏ cây và động vật nào có thể tồn tại được trong sa mạc. Lưu ý, đây là nhiệm vụ có đáp án mở, những lựa chọn của từng cặp HS là hoàn toàn tùy thuộc, miễn là các em có thể giải thích được tại sao.

### Task 2. (Trang 99)

- Trình bày yêu cầu rõ ràng để HS hiểu được nhiệm vụ mình sắp thực hiện.
- Theo cặp, yêu cầu HS thảo luận và tìm ra những đặc điểm của sa mạc. Đi quanh để giúp những cặp HS nào gặp khó khăn. Có thể gợi ý cho HS một số từ ngữ mô tả đặc điểm của sa mạc như *hot, dry, little rainfall, much sunshine, few grasses, few animals, few people, sandy*, v.v.
- Yêu cầu đại diện từng cặp báo cáo kết quả các em đã thảo luận.

### Task 3. (Trang 99)

- Theo nhóm, yêu cầu HS thảo luận và tìm ra năm thứ cần thiết nhất các em phải mang theo khi đi qua sa mạc, dựa vào những gợi ý đã cho. Đi quanh lớp để giúp đỡ cặp HS nào gặp khó khăn.
- Yêu cầu đại diện mỗi nhóm báo cáo kết quả thảo luận. Lưu ý HS phải giải thích được tại sao mình lại chọn thứ này mà không chọn thứ kia.

## C. LISTENING

### Before you listen

- Theo cặp, yêu cầu HS tìm câu trả lời cho ba câu hỏi đã cho. Sau đó có thể gọi cá nhân HS trả lời từng câu hỏi. Có thể gợi ý để HS trả lời nếu các em gặp khó khăn. Hướng HS vào nội dung của hai đoạn nghe trong mục *While you listen*.
- Bật băng (nếu có) hay đọc to và rõ ràng những từ/ngữ đã cho để HS nhắc lại. Bảo đảm rằng HS biết được nghĩa của những từ/ngữ này trước khi chuyển sang mục *While you listen*. Lưu ý HS rằng những từ này sẽ xuất hiện trong bài nghe trong mục *While you listen*.

### While you listen

- Cho HS khoảng 1 đến 2 phút để đọc các câu hỏi và bảo đảm rằng các em hiểu được những nhiệm vụ mà mình phải thực hiện trong và sau khi nghe.

### Task 1. (Trang 100)

- Trình bày rõ tình huống và yêu cầu để HS hiểu được ngôn cảnh trong đó đoạn văn các em sắp nghe xuất hiện. Có thể bắt đầu theo hướng dẫn trong sách HS:

*You will hear an expert talking about deserts, what they are and how they are formed. Listen to his talk and decide whether the statements are true (T) or false (F).*

- Đọc rõ hoặc bật băng (nếu có) cho HS nghe một hoặc hai lần để các em thực hiện Task 1.

## ĐÁP ÁN

1	2	3	4	5
T	F	T	F	T

### Tapescript

*Hello everyone. In today's talk, I'm going to tell you something about deserts, what they are and how they are formed.*

*A desert is a hot, dry, sandy place. A desert is also a beautiful land of silence and space. The sun shines, the wind blows, and time and space seem endless. Nothing is soft. The sand and the rocks are hard, and many of the plants, such as the cactus, have hard needles instead of leaves.*

*The size and location of the world's deserts are always changing. Over millions of years, as climates change and mountains rise, new dry and wet areas develop. But within the last 100 years, deserts have been growing at a frightening speed. This is partly because of natural changes, but the greatest desert makers are humans.*

*In the 19<sup>th</sup> century some people living in English colonies in Australia got rabbits from England. Today there are millions of rabbits in Australia, and they eat every plant they can find. The great desert that covers the centre of Australia is growing.*

*Farming first began in the Tigris-Euphrates, but today the land there is a desert. In dry areas, people can plant crops on dry and poor land. When there are one or two very dry years, the plants die, and the land becomes desert.*

*In developing countries, 90 percent of the people use wood for cooking and heat. They cut down trees for firewood. But trees are important. They cool the land under them and keep the sun off smaller plants. When leaves fall from a tree, they make the land richer. When the trees are gone, the smaller plants die, and the land becomes desert.*

*Humans can make deserts, but humans can also prevent their growth. Algeria planted a green wall of trees across the edge of the Sahara to stop the desert sand from spreading. Mauritania planted a similar wall around its capital. Iran puts a thin covering of petroleum on sandy areas and plant trees. Other countries build long canals to bring water to the desert areas.*

*Well, that's all for my talk. Thank you for listening.*

## Task 2. (Trang 100)

- Đọc lại hoặc bật băng (nếu có) cho HS nghe. Theo cặp, yêu cầu HS hỏi đáp về nội dung bài nghe sử dụng những câu hỏi đã cho. Đi quanh để giúp những cặp HS nào gặp khó khăn. GV cũng có thể đặt câu hỏi và yêu cầu từng HS trả lời. Nếu câu trả lời của HS này đúng thì có thể yêu cầu HS khác nhắc lại.

## ĐÁP ÁN GỢI Ý

1. *It examines deserts, what they are and how they are formed.*
2. *It is a hot, dry, sandy place. It is also a beautiful land of silence and space. The sun shines, the wind blows, and time and space seem endless.*
3. *Nature and humans.*
4. *They contribute by eating every plant they can find. This makes the land become desert.*

## Task 3. (Trang 101)

- Trình bày rõ yêu cầu của Task 3. Có thể bắt đầu bằng:

*Listen to part of the talk again and write the missing words.*

- Đọc rõ hoặc bật băng (nếu có) cho HS nghe một hoặc hai lần để các em có thể thực hiện Task 3.

## ĐÁP ÁN

1. *90 percent*
2. *smaller plants*
3. *prevent*
4. *spreading*
5. *capital*
6. *canals*

In developing countries, (1) **90 percent** of the people use wood for cooking and heat. They cut down trees for firewood. But trees are important. They cool the land under them and keep the sun off (2) **smaller plants**. When leaves fall from a tree, they make the land richer. When the trees are gone, the smaller plants die, and the land becomes desert.

Humans can make deserts, but humans can also (3) *prevent* their growth. Algeria planted a green wall of trees across the edge of the Sahara to stop the desert sand from (4) *spreading*. Mauritania planted a similar wall around its (5) *capital*. Iran puts a thin covering of petroleum on sandy areas and plant trees. Other countries build long (6) *canals* to bring water to the desert areas.

### After you listen

- Theo nhóm, yêu cầu HS tóm tắt lại bài nghe sử dụng những gợi ý đã cho. Có thể yêu cầu đại diện các nhóm tóm tắt bằng khẩu ngữ trước lớp nếu có thời gian.

## D. WRITING

- Để giúp HS viết có hiệu quả, có thể giới thiệu cho các em đôi nét về sa mạc Sahara.
- Theo cặp, yêu cầu HS đọc và thảo luận kĩ những thông tin đã cho trong bảng. Bảo đảm rằng các em không gặp khó khăn gì về từ ngữ và nội dung trình bày trong bảng. Đi quanh để giúp những cặp HS nào gặp khó khăn.
- Yêu cầu HS thực hành viết. Đi quanh để giúp những HS nào gặp khó khăn về từ ngữ hoặc về cách diễn đạt. Lưu ý HS về cấu trúc của một bài luận mô tả: phần mở đầu, phần thân bài và phần kết luận.

## E. LANGUAGE FOCUS

### Pronunciation

- Giải thích cho HS hai khái niệm "hình thức đầy đủ" (full form) và "hình thức viết tắt" (contracted form). Có thể viết một số hình thức lên bảng để minh họa.
- Bật băng (nếu có) hoặc đọc mẫu một hoặc hai lượt cho HS nghe cách phát âm những đoạn ngôn có chứa "hình thức viết đầy đủ" và những đoạn ngôn có chứa cách phát âm những "hình thức viết tắt" tương ứng của trợ động từ *be* ở thì hiện tại và tương lai đơn.



### Practise reading these sentences.

- Bật băng (nếu có) hoặc đọc mẫu cho HS nghe các phát ngôn đã cho một hoặc hai lần, lưu ý đến cách phát âm các "hình thức viết đầy đủ" và các "hình thức viết tắt" của trợ động từ *be* trong những phát ngôn này. Có thể cho HS đọc theo.
- Theo cá nhân, yêu cầu HS thực hành đọc những phát ngôn đã cho. Sửa lỗi phát âm của các em nếu thấy cần thiết.

### Grammar

- Trình bày rõ nội dung và yêu cầu của mục này: cách dùng các liên từ *so*, *but*, *however* và *therefore* trong câu phức. Có thể yêu cầu HS cho biết nghĩa của những từ nối này hoặc bằng tiếng Anh hoặc bằng tiếng Việt.

### Exercise 1. (Trang 103)

- Trình bày rõ yêu cầu của bài tập. Theo cặp hoặc theo cá nhân, yêu cầu HS làm bài tập. Lưu ý HS rằng liên từ *so* chỉ kết quả dẫn đến từ mệnh đề thứ nhất còn *but* chỉ ý nghĩa ngược lại với sự mong đợi ở mệnh đề thứ nhất. Sau đó có thể yêu cầu từng cá nhân HS đọc đáp án các em đã làm. Sửa lỗi cho HS nếu cần thiết.

### ĐÁP ÁN

- |               |               |
|---------------|---------------|
| 1. <i>so</i>  | 5. <i>so</i>  |
| 2. <i>but</i> | 6. <i>but</i> |
| 3. <i>so</i>  | 7. <i>but</i> |
| 4. <i>but</i> | 8. <i>so</i>  |

### Exercise 2. (Trang 104)

- Trình bày rõ yêu cầu của bài tập. Theo cặp hoặc theo nhóm, yêu cầu HS thảo luận và chọn đáp án đúng cho những câu đã cho. Lưu ý HS về cách dùng các từ nối này. Có thể chỉ cho các em biết rằng *but* có nghĩa là *nhưng*, *yet* có nghĩa là *ấy thế nhưng* và *however* có nghĩa là *tuy nhiên*. Sau đó có thể yêu cầu từng cá nhân HS đọc đáp án các em đã chọn. Sửa lỗi cho HS nếu thấy cần thiết.

## ĐÁP ÁN

- |                   |                   |
|-------------------|-------------------|
| 1. <i>but</i>     | 5. <i>but</i>     |
| 2. <i>however</i> | 6. <i>However</i> |
| 3. <i>yet</i>     | 7. <i>however</i> |
| 4. <i>so</i>      | 8. <i>but</i>     |

### Exercise 3. (Trang 105)

- Trình bày rõ yêu cầu của bài tập. Theo cặp, yêu cầu HS thảo luận và tìm đáp án đúng cho những khoảng trống đã cho. Đi quanh giúp cặp nào gặp khó khăn. Sau đó có thể yêu cầu từng cá nhân HS đọc đáp án các em đã chọn cho cả lớp nghe và thảo luận. Sửa lỗi cho HS nếu thấy cần thiết.

## ĐÁP ÁN

- |                     |                     |
|---------------------|---------------------|
| 1. <i>therefore</i> | 5. <i>However</i>   |
| 2. <i>so</i>        | 6. <i>Therefore</i> |
| 3. <i>so</i>        | 7. <i>so</i>        |
| 4. <i>Therefore</i> | 8. <i>However</i>   |